TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 23/8/2024

V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Đổi.

Ông Nguyễn Trung Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Cụ bà **Dương Thị R**, sinh năm 1941; Địa chỉ: số 55, đường PĐL, kp 2, phường LH, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ cho cụ R: Anh **Phan Phương N**, sinh năm 1979 (theo văn bản uỷ quyền ngày 21/12/2022); Địa chỉ: số 43/10/01, đường số 42, HBC, thành phố TĐ, Thành phố HCM; Địa chỉ liên hệ: 55/20/11/13, đường 48, HBC, thành phố TĐ, Thành phố HCM (có mặt).

- ***Bị đơn***: Bà **Ngô Thị Ngọc M,** sinh năm 1971; Địa chỉ: số 383A, đường PVĐ, khu phố HH, phường HT, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà **Bùi Thị Hoa M1**, Luật sư Văn phòng luật sư NVR, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Ngô Hoàng S**, sinh năm 1977; Địa chỉ: số 62, đường NH, kp 4, phường LH, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bà **Ngô Thị Thu H**, sinh năm 1969; Địa chỉ: số 34, khu phố HH, phường HT, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. Bà **Ngô Thị Thu C,** sinh năm 1972; Địa chỉ: số 385A, đường PVĐ, khu phố HH, phường HT, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

4. Ông **Ngô Hoàng Đ**, sinh năm 1980; Địa chỉ: số 55, đường PĐL, phường LH, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh S, bà H, anh Đ, chị C: Anh **Phan Phương N**, sinh năm 1979 (theo văn bản uỷ quyền ngày 21/12/2022); địa chỉ: Địa chỉ: số 43/10/01, đường số 42, HBC, thành phố TĐ, Thành phố HCM; Địa chỉ liên hệ: 55/20/11/13, đường 48, HBC, thành phố TĐ, Thành phố HCM (có mặt).

5. Bà **Ngô Thị Thu T**, sinh năm 1975; Địa chỉ: số No.40 alley 477/116 section 2, Zhongshan street, Thai Binh area, Taichung city, Đài Loan (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Anh **Phan Phương N**, sinh năm 1979 (theo văn bản uỷ quyền ngày 23/10/2023); địa chỉ: Địa chỉ: số 43/10/01, đường số 42, HBC, thành phố TĐ, Thành phố HCM; Địa chỉ liên hệ: 55/20/11/13, đường 48, HBC, thành phố TĐ, Thành phố HCM (có mặt).

6. Ông **Ngô Văn T1**, sinh năm 1956; Địa chỉ: kp 5, p 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

7. Anh **Ngô Văn T2**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp XM 1, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

8. Anh **Ngô Văn C1**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp XM 1, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

9. Bà **Đinh Thị B**, sinh năm 1953; Địa chỉ: ấp XM 1, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

10. Bà **Ngô Thị Thu H1,** sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp TS, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

11. Bà **Ngô Thị Đ1,** sinh năm 1966; Địa chỉ: số nhà 201, tổ 01, ấp BBS, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

12. Bà **Ngô Thị D**, sinh năm 1957; Địa chỉ: số nhà 524, đường 786, ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

13. Cháu **Ngô Gia H2**, sinh ngày 07/11/2011; Địa chỉ: số 383A, đường PVĐ, khu phố HH, phường HT, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người giám hộ của cháu H2: Bà **Ngô Thị Ngọc M**, sinh năm 1971; Địa chỉ: số 383A, đường PVĐ, khu phố HH, phường HT, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

14. **Văn phòng Công chứng LTT**; Địa chỉ liên hệ: số 11, đường VTS, kp 7, p 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công chứng LTT: Ông **Lương Tâm T** – Trưởng Văn phòng công chứng LTT, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là anh Phan Phương N trình bày:

Cụ bà Dương Thị R, sinh năm 1941 và cụ ông Ngô Văn Y, sinh năm 1922, chết ngày 14/3/2022. Hai cụ có 07 người con chung gồm:

1. Bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1969.
2. Bà Ngô Thị Ngọc M, sinh năm 1971 (bị đơn).
3. Bà Ngô Thị Thu C, sinh năm 1972.
4. Bà Ngô Thị Thu H3, sinh năm 1973 (đã chết năm 2011 khi sinh cháu Gia H2), không có chồng, có con là cháu Ngô Gia H2, sinh ngày 07/11/2011 (bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2).
5. Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1975 (sống tại Đài Loan).
6. Ông Ngô Hoàng S, sinh năm 1977.
7. Ông Ngô Hoàng Đ, sinh năm 1980.

Ngoài ra, cụ Y có 05 người con riêng với người vợ trước là cụ N1, gồm:

1. Ông Ngô Văn T3, sinh năm 1954 (đã chết) có vợ tên bà Đinh Thị B và 02 người con chung là anh Ngô Văn C1, sinh năm 1978 và anh Ngô Văn T2, sinh năm 1978.
2. Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1956.
3. Bà Ngô Thị D, sinh năm 1957.
4. Bà Ngô Thị Thu H1, sinh năm 1964.
5. Bà Ngô Thị Đ1, sinh năm 1966.

Sau khi cụ N1 chết, cụ R về chung sống với cụ Y, cụ Y đã có sẵn 02 căn nhà liền kề toạ lạc tại kp 2, thị trấn Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (này là kp 2, phường LH, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh). Trước giải phóng, cụ Y đã bán 01 căn nhà để chia cho các con riêng của cụ Y, còn lại 01 căn nhà cụ Y, cụ R và các con chung của hai cụ sinh sống. Quá trình sử dụng, cụ R đi kê khai đăng ký và ngày 14/02/2003 được Uỷ ban nhân dân huyện Hoà Thành (nay là thị xã Hoà Thành) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Dương Thị R phần đất diện tích 71,64 m^2, thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32. Cách đây 20 năm, hai cụ xây lại căn nhà trên đất, gồm 01 trệt và 01 lầu. Nên đây là tài sản chung của cụ R và cụ Y. Ngoài ra, hai cụ không còn tài sản chung nào khác.

Ngày 14/03/2022, cụ Y mất. Hiện tại cụ R và người con trai tên Ngô Hoàng Đ và con gái tên Ngô Thị Thu C đang trực tiếp sinh sống tại nhà và đất nêu trên.

Cụ Y chết không để lại di chúc nhưng sau đó bà M xuất trình tờ di chúc của cụ Y lập ngày 05/9/2019, nội dung di chúc để lại toàn bộ tài sản của cụ Y trong khối tài sản chung với cụ R để lại cho bà M và cháu Ngô Gia H2 (cháu H2 là cháu ngoại của cụ Y, do bà M là người giám hộ). Cụ R và tất cả các người con chung khác của cụ R và cụ Y không đồng ý toàn bộ nội dung của tờ di chúc ngày 05/9/2019 vì thời điểm lập di chúc cụ Y đã 97 tuổi, cụ Y không còn minh mẫn nên tờ di chúc không thể hiện đúng ý chí của cụ Y.

Ngoài ra, với thủ đoạn tương tự, năm 2022, bà M cũng dẫn cụ R đến Văn phòng Công chứng LTT để lập tờ di chúc ngày 20/8/2022, nội dung thể hiện cụ R để lại toàn bộ tài sản của cụ R trong khối tài sản chung với cụ Y cho ông Ngô Hoàng Đ và cháu Gia H2 (do bà M là người giám hộ). Sau khi di chúc được công chứng xong, cụ R phát hiện nên ngày 24/8/2022, cụ R đã yêu cầu Văn phòng công chứng LTT làm Văn bản huỷ bỏ di chúc ngày 20/8/2022. Mặt dù, cụ R để lại tài

sản của cụ R cho ông Đ nhưng khi ông Đ biết ông Đ vẫn không thừa nhận vì đó không phải là ý muốn của cụ R. Do đó, cụ R và các người con chung khác của cụ R và cụ Y có cơ sở tin rằng khi cụ Y ký vào tờ di chúc, nội dung của tờ di chúc không thể hiện đúng ý chí của cụ Y.

Nay, cụ R khởi kiện bà M yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Y để lại theo quy định của pháp luật cho cụ R (vợ cụ Y) và 06 người con gồm bà H, bà C, bà M, bà T, ông Đ và ông S, tổng cộng là chia thành 07 phần.

Cụ R yêu cầu Toà án tuyên bố tờ di chúc của cụ Y lập ngày 05/9/2019 được công chứng tại Văn phòng Công chứng LTT, tại số công chứng 7864, quyển số 23TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc bà M phải trả lại cho cụ R bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp mà bà M đang quản lý để cụ R có thể thực hiện quyền của người sử dụng đất. Cụ R là chủ sử dụng đất nhưng do cụ không giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cụ muốn lập di chúc để lại tài sản cũng không thể thực hiện được.

Đối với các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản, cụ R không có ý kiến.

Các chi phí tố tụng cụ R đã nộp cho Toà án thì cụ R đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà, bị đơn là bà Ngô Thị Ngọc M trình bày:

Bà M thống nhất toàn bộ lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của cụ R về mối quan hệ huyết thống. Tuy nhiên, quá trình chung sống cụ R và cụ Y không tạo lập được tài sản gì. Cụ R được mẹ ruột cho 01 phần đất tại đường NH nhưng cụ R đã cho riêng em trai tên Ngô Hoàng S.

Cụ Y chết có để lại tài sản là phần đất diện tích 71,64 m^2, thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32, trên đất có 01 căn nhà kết cấu 01 trệt, 01 lầu, xây cách đây 20 năm. Phần đất này có nguồn gốc của cụ Y với người vợ trước là cụ N1, khi cụ R về sống với cụ Y đã có sẵn. Cụ Y chết ngày 14/3/2022 và có để lại di chúc. Di chúc cụ Y

lập ngày 05/9/2019, bằng văn bản được công chứng tại Văn phòng công chứng LTT, có người làm chứng là chị Lê Thị Ngọc T4, khi lập di chúc cụ Y 97 tuổi, cụ Y biết đọc, biết viết và còn minh mẫn vì tuổi thật của cụ Y nhỏ hơn tuổi trong giấy tờ, nội dung tờ di chúc thể hiện phần tài sản của cụ Y trong khối tài sản chung với cụ R là nhà và đất toạ lạc tại số 55, đường PĐL, kp 2, phường LH, thị xã Hoà Thành để lại cho con ruột là bà M và cháu ngoại là cháu Ngô Gia H2. Hiện tại nhà và đất tranh chấp do cụ R và em trai tên Ngô Hoàng Đ và em gái tên Ngô Thị Thu C trực tiếp quản lý, sử dụng.

Đối với các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản, bà M có tham gia và không có ý kiến.

Ngoài ra, bà M còn là người giám hộ cho cháu Ngô Gia H2, cháu H2 là con ruột của bà Ngô Thị Thu H3, bà H3 là con ruột của cụ Y và cụ R, bà H3 chết khi sinh cháu H2 nên từ nhỏ cháu H2 sống với bà M, bà M là người giám hộ cho cháu H2.

Đối với phần tờ di chúc của cụ R ngày 20/8/2022, khi lập di chúc là đúng ý chí của cụ R chứ không phải là ý của bà M. Nhưng sau khi công chứng xong thì cụ R và các người con khác bàn bạc với nhau như thế nào để đi huỷ tờ di chúc thì bà M không biết, huỷ ngày 24/8/2022 và có thông báo cho chị M biết.

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ R, bà M không đồng ý. Bà M yêu cầu công nhận toàn bộ nội dung tờ di chúc ngày 05/9/2019 của cụ Y, yêu cầu chia đôi tài sản chung như tờ di chúc do cụ Y để lại. Bà M yêu cầu được nhận phần mặt tiền đường PĐL, giao cụ R phần phía sau giáp lộ BQT.

Trường hợp Toà án đồng ý giao cho bà M toàn bộ nhà và đất đang tranh chấp thì bà M đồng ý cho cụ R tiếp tục sinh sống tại đây cho đến khi cụ R qua đời, bà M muốn giữ gìn lại căn nhà như nguyện vọng của cụ Y lúc còn sống.

Đối với yêu cầu đòi lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà M không đồng ý, bà giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cụ Y đưa cho bà M giữ khi còn sống, đưa chung với tờ di chúc. Trong quá trình giải quyết, bà M cam đoan với Toà án là không chuyển giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khác và bà thực hiện đúng như vậy, trường hợp cụ R muốn sử dụng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi lập di chúc thì bà M sẵn sàn phối hợp để cụ R thực hiện việc lập di chúc.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hoàng S, bà Ngô Thị Thu H, bà Ngô Thị Thu C và ông Ngô Hoàng Đ; người đại diện theo uỷ quyền của anh S, bà H, bà C và anh Đ là anh Phan Phương N thống nhất trình bày: Quá trình Toà án giải quyết, cụ R và tất cả anh chị em đều muốn gặp bà M để thương lượng về việc huỷ bỏ di chúc của cụ Y, các anh chị em sẽ thoả thuận việc chia di sản thừa kế do cụ Y để lại và sẵn sàng chia cho bà M phần nhiều hơn, mục đích là để giữ lại căn nhà của cụ Y và cụ R để làm nhà thờ nhưng bà M không đồng ý nên cụ R mới khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết vì cụ R sợ sau khi cụ R mất việc giải quyết càng khó khăn hơn. Nay tại Toà, các anh chị em đều muốn bà M có thể ngồi lại để tiếp tục thương lượng để gia đình tự giải quyết với nhau. Trường hợp không thương lượng được thì đề nghị Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giao toàn bộ nhà và đất trên cho cụ R, các người con khác của cụ R sẽ hùn tiền lại để cụ R thanh toán lại tiền cho bà M, cụ R và các người con khác đều muốn giữ lại căn nhà để làm nhà thờ. Thống nhất với toàn bộ lời trình bày và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ R và không bổ sung gì thêm.

Trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên liên quan là Ngô Văn T1, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Thu, bà Ngô Thị D trình bày:

Thống nhất toàn bộ lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của cụ R về mối quan hệ huyết thống.

Ông T1, bà Đ1, bà Thu, bà D là các con ruột của cụ Y và cụ N1, sau khi cụ N1 chết thì cụ Y mới sống chung với cụ R. Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ R thì các ông bà đề nghị Toà án công nhận di chúc do cụ Y để lại, đồng ý giao tài sản của cụ Y cho cháu Gia H2 và bà M. Trường hợp di chúc không được công nhận thì đề nghị Toà án chia di sản của cụ Y theo quy định của pháp luật. Nếu ông bà được chia tài sản này thì ông bà đồng ý nhận.

Đối với lời trình bày của cụ R cho rằng cụ Y đã bán 01 căn nhà để chia cho những người con của vụ Y và cụ N1 thì các ông bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên liên quan là bà Đinh Thị B trình bày:

Bà B thống nhất toàn bộ lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của cụ R về mối quan hệ huyết thống. Bà B là vợ của ông Ngô Văn T3, ông T3 là con ruột của cụ Y và người vợ trước là cụ N1, sau khi cụ N1 chết thì cụ Y mới sống chung

với cụ R. Ông T3 chết năm 1992, bà B và ông T3 có 02 người con chung là anh Ngô Văn C1 và Ngô Văn T2. Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ R thì bà đề nghị Toà án công nhận di chúc do cụ Y để lại, giao tài sản của cụ Y cho cháu Gia H2 và bà M. Trường hợp di chúc không được công nhận thì đề nghị toà án chia di sản của cụ Y theo quy định của pháp luật. Nếu bà và các con được nhận phần di sản của ông T3 được hưởng từ cụ Y thì bà và các con bà sẽ đồng ý nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Văn C1 và anh Ngô Văn T2: Thống nhất với lời trình bày của bà Đinh Thị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng LTT trình bày: Vào thời điểm công chứng tờ di chúc do Văn phòng công chứng LTT chứng nhận ngày 05/09/2019 thì Công chứng viên đã thực hiện việc công chứng phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ý kiến và yêu cầu của luật sư Bùi Thị Hoa M1 trình bày: Luật sư thống nhất với lời trình bày của bà M. Đối với di chúc của cụ R lập ngày 20/8/2022, mặt dù bà M là người chở cụ R đi lập di chúc nhưng lập theo ý chí của cụ R là để tài sản của cụ R lại cho cháu Gia H2 và người con trai út là anh Đ chứ không phải để lại cho bà M. Cụ R có đến 07 người con chung với cụ Y, nếu chia thừa kế theo quy định của pháp luật thì phải chia cho cụ R và 07 người con chung là 08 phần, nhưng theo đơn khởi kiện cụ R chỉ yêu cầu chia thành 07 phần, tức trong đó không có phần của bà Ngô Thị Thu H3 (đã chết) là mẹ ruột của cháu Gia H2. Do đó, luật sư có cơ sở tin rằng cụ R và anh Đ sau khi lập di chúc đã không muốn chia phần cho bé Gia H2 nên mới đi huỷ tờ di chúc của cụ R, việc huỷ di chúc của cụ R không liên quan đến bà M. Đối với di chúc của cụ Y lập ngày 05/9/2019, khi đó cụ Y còn minh mẫn, di chúc được lập có người làm chứng và được công chứng tại Văn phòng Công chứng nên đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Khi còn sống, bà M là người nuôi dưỡng cụ Y nên được cụ Y tin tưởng, cụ Y tin rằng di chúc để lại tài sản của cụ cho bà M và cháu Gia H2 (do bà M giám hộ) thì sẽ giữ lại được toàn bộ tài sản của cụ. Do đó, đề nghị Toà án công nhận di chúc của cụ Y lập ngày 05/9/2019, được công chứng tại Văn phòng Công chứng LTT. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ R.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng về trình tự, nội dung, thẩm quyền

theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự. Trong quá trình tham gia tố tụng đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 623, 624, 625, 627, 628, 631, 644, 650 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Dương Thị R về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ngô Văn Y. Không chấp nhận yêu cầu của cụ R về việc tuyên bố di chúc của cụ Y lập ngày 05/9/2019 vô hiệu. Chia di sản thừa kế của cụ Y là ½ quyền sử dụng đất diện tích 71,64 m^2 theo di chúc; cụ R được hưởng 01 phần di sản của cụ Y không phụ thuộc vào di chúc. Chia di sản của cụ Y là ½ tài sản trên phần đất diện tích 71,64 m^2 theo quy định của pháp luật. Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T1, anh Ngô Văn T2, anh Ngô Văn C1, bà Định Thị B, bà Ngô Thị Thu H1, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị D và người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công chứng LTT có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà M phải có nghĩa vụ trả lại cho cụ R bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất đang tranh chấp. Xét thấy, đây là yêu cầu mới, nguyên đơn không yêu cầu nên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không có quyền yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*** Về nội dung vụ án:**

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Cụ R khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên bố di chúc của cụ Y ngày 05/9/2019 và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Y để lại theo quy định của pháp luật. Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hàng thứ kế theo pháp luật của cụ Y: Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự thì hàng thừa kế của cụ Y gồm có vợ là cụ R và 12 người con của cụ Y gồm: bà H, bà T, bà C, bà M, bà H3, ông S, ông Đ, ông T3, ông T1, bà D, bà H1 và bà Đ1. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Y là 13 người. Trong đó, bà H3, ông T3 chết trước cụ Y nên theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự thì con của bà H3 là cháu Gia H2 sẽ là thừa kế thế vị của bà H3, các con của ông T3 là anh C1 và anh T2 sẽ là thừa kế thế vị của ông T3.

[3]. Về di sản thừa kế: Trong quá trình giải quyết các đương sự thống nhất thừa nhận tài sản chung của cụ Y và cụ R là quyền sử dụng đất diện tích 71,64 m^2, thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32, đất toạ lạc tại kp 2, thị trấn Hoà Thành, huyện Hoà Thành (nay là kp 2, phường LH, thị xã Hoà Thành), tỉnh Tây Ninh do Uỷ ban nhân dân huyện Hoà Thành (nay là thị xã Hoà Thành) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Dương Thị R vào ngày 14/02/2003 và toàn bộ tài sản trên đất. Lời thừa nhận của các bên phù hợp với thông tin chỉnh lý người sử dụng đất vào ngày 28/8/2018 từ hộ ông (bà) Dương Thị R thành ông Ngô Văn Y và bà Dương Thị R. Do đó, có căn cứ xác định quyền sử dụng đất diện tích 71,64 m^2, thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32, toạ lạc tại kp 2, phường LH, thị xã Hoà Thành và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản chung của cụ Y và cụ R. Theo biên bản định giá tài sản ngày 25/4/2024, thể hiện:

- Quyền sử dụng đất có diện tích thực tế là 71,64 m^2, có giá trị là 48.000.000 đồng/ m^2, nên có giá trị là: 3.438.720.000 đồng.

- Căn nhà trên đất: có kết cấu nhà cấp 3, móng bê tông cốt thép, nền gạch men, cửa đi cửa sắt có gắn kiếng, tường xây gạch S "p", cột bê tông xi măng, kèo – đòn tay gỗ xây dựng, trần bê tông xi măng + tole lạnh, diện tích tầng trệt: dài 22,2 m x ngang 4m = 88,8 m^2; diện tích tầng lầu: dài 19,2 m x ngang 4 m = 76,8 m^2, tổng diện tích nhà là 165,6 m^2 có giá là: 165,6 m^2 x 5.284.000 đồng/m^2 x 40% giá trị sử dụng còn lại = 350.012.160 đồng.

- 01 mái che khung sắt tiền chế, mái tole, nền gạch + bê tông xi măng, diện tích dài 22,2m x ngang 2,4 m = 53,28 m^2, có giá trị là: 53,28 m^2 x 540.000 đồng/ m^2 x 30% giá trị sử dụng còn lại = 8.631.360 đồng.

Tổng giá trị khối tài sản chung là: 3.438.720.000 đồng + 350.012.160 đồng + 8.631.360 đồng = 3.797.363.520 đồng.

Do đó, ½ khối tài sản trên là di sản thừa kế của cụ Y, tương đương giá trị là: 3.797.363.520 đồng : 2 = 1.898.681.760 đồng.

[4]. Xét di chúc của cụ Y lập ngày 05/9/2019, thấy rằng:

[4.1]. Về hình thức di chúc của cụ Y được lập thành văn bản và được công chứng tại Văn phòng công chứng LTT nên về hình thức không trái quy định của pháp luật.

[4.2]. Về nội dung di chúc, cụ Y để lại toàn bộ tài sản của cụ Y trong khối tài sản chung với cụ R cho con ruột là bà M và cháu ngoại là cháu Gia H2, do đó nội dung di chúc của cụ Y cũng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

[4.3]. Cụ Y sinh năm 1922, chết năm 2022, thời điểm lập di chúc năm 2019 cụ Y 97 tuổi, cụ R, bà H, bà C, bà T, ông Đ, ông S cho rằng thời điểm lập di chúc cụ Y không minh mẫn và nội dung di chúc không thể hiện đúng ý chí của cụ Y nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh.

[4.4]. Di chúc của cụ Y lập tại Văn phòng Công chứng LTT, được công chứng và có người làm chứng. Người làm chứng Lê Thị Ngọc T4 trình bày chị được cụ Y nhờ làm chứng để cụ Y lập di chúc tại Văn phòng Công chứng LTT, thời điểm cụ Y lập di chúc cụ Y minh mẫn, vẫn nói chuyện bình thường. Theo quy định tại Điều 636 Bộ luật Dân sự quy định thủ tục lập di chúc tại tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng. Thời điểm lập di chúc, cụ Y minh mẫn, vẫn nghe được, đọc được, ký tên và điểm chỉ được nên trường hợp của cụ Y khi công chứng không bắt buộc phải có người làm chứng, việc di chúc của cụ Y có người làm chứng là do ý muốn của cụ Y chứ không phải do luật pháp quy định. Người đại diện theo uỷ quyền của cụ R cho rằng thủ tục công chứng di chúc của cụ Y của Văn phòng Công chứng LTT không đúng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

[4.5]. Như vậy, di chúc của cụ Y đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 630 Bộ luật Dân sự nên là di chúc hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, phần di sản được định đoạt trong di chúc sẽ được chia theo di chúc, cụ thể ½ quyền sử dụng đất diện tích 71,64 m^2, thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32, đất toạ lạc tại kp 2, phường LH, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh là di sản của cụ Y sẽ được chuyển sang cho con ruột là bà Ngô Thị Ngọc M và cháu ngoại là cháu Ngô Gia H2.

[4.6]. Cụ R là vợ của cụ Y, thời điểm cụ Y mất năm 2022, cụ R đã 81 tuổi, hiện tại già yếu không còn khả năng lao động, do đó, cụ R được hưởng di sản của cụ Y không phụ thuộc vào nội dung của di chúc là phù hợp với quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự. Phần của cụ R được hưởng là 2/3 của 01 suất thừa kế theo pháp luật.

[4.7]. Như vậy, quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ Y và cụ R, theo biên bản định giá tài sản ngày 25/4/2024 có giá là 3.438.720.000 đồng, phần của cụ Y là: ½ x 3.438.720.000 đồng = 1.719.360.000 đồng. Phần di sản này nếu chia theo pháp luật thì mỗi kỹ phần là: 1.719.360.000 đồng : 13 = 132.258.461 đồng, phần của cụ R là: 2/3 x 132.258.461 đồng = 88.172.307 đồng, được làm tròn là: 88.172.000 đồng. Phần của bà M và cháu Gia H2 là: 1.719.360.000 đồng - 88.172.000 đồng = 1.631.188.000 đồng, mỗi người sẽ được hưởng một nữa tương đương là: 1.631.188.000 đồng : 2 = 815.594.000 đồng.

[5]. Đối với ½ tài sản trên đất là di sản thừa kế của cụ Y, cụ Y không lập di chúc nên theo quy định tại Điều 650 Bộ luật Dân sự, phần di sản này sẽ được chia theo pháp luật. Cụ thể tài sản trên đất là tài sản chung của cụ Y và cụ R, theo biên bản định giá tài sản ngày 25/4/2024 có giá trị là: 358.643.520 đồng, phần của cụ Y có giá trị là: ½ x 358.643.520 đồng = 179.321.760 đồng. Phần di sản này được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Y là 13 phần, mỗi kỹ phần có giá trị là: 179.321.760 đồng : 13 = 13.793.981 đồng, được làm tròn là: 13.794.000 đồng.

[6]. Như vậy, sau khi chia phần giá trị từng người được hưởng là:

- Phần của cụ R được hưởng từ cụ Y là: 88.172.000 đồng + 13.794.000 đồng = 101.966.000 đồng. Phần tài sản của cụ R trong khối tài sản chung với cụ Y trị giá: 1.898.681.760 đồng, tổng cộng hai phần là: 101.966.000 đồng + 1.898.681.760 đồng = 2.000.647.760 đồng, được làm tròn là 2.000.648.000 đồng.

- Phần của bà M và cháu Gia H2 mỗi người được hưởng: 815.594.000 đồng + 13.794.000 đồng = 829.388.000 đồng.

- Phần của bà H, bà C, bà T, ông S, ông Đ, ông T1, bà D, bà H1 và bà Đ1 mỗi người được hưởng: 13.794.000 đồng.

- Phần của anh C1 và anh T2 được hưởng chung là: 13.794.000 đồng.

[7]. Do tài sản chung đã có ½ là tài sản của cụ R, cụ R được hưởng một phần di sản của cụ Y, hiện cụ R đã lớn tuổi, nhà và đất này là chỗ ở duy nhất của cụ R. Do đó, cần giao toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất cho cụ R tiếp tục quản lý sử dụng, cụ R có nghĩa vụ thanh toán lại phần di sản bằng giá trị cho

các thừa kế khác. Do đó, yêu cầu của bà M đòi chia đôi nhà và đất nêu trên cho bà M và cụ R mỗi người một nữa là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ R đối với bà M về việc tranh chấp về thừa kế tài sản. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ R về việc yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Y lập ngày 05/9/2019 vô hiệu

[9]. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp.

[10]. Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[11]. Về chi phí tố tụng: Chi phí uỷ thác tư pháp lần 01 là 4.000.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản là 4.000.000 đồng, chi phí trích lục hồ sơ là 100.000 đồng, tổng cộng là 8.100.000 đồng, cụ R đã nộp xong chi phí này. Do yêu cầu của cụ R được Toà án chấp nhận một phần nên phần chi phí này cụ R và bà M mỗi người chịu một nữa. Do đó, bà M có nghĩa vụ trả lại cho cụ R số tiền 4.050.000 đồng.

[12]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Cụ R là người cao tuổi nên được miễn án phí.

- Cháu Gia H2 là trẻ em nên được miễn tiền án phí.

- Bà M phải chịu án phí trên phần giá trị di sản được chia là 829.388.000 đồng, tương đương với số tiền án phí là: 36.000.000 đồng + (3% x 29.388.000 đồng) = 36.881.640 đồng, được làm tròn là 36.882.000 đồng.

- Bà H, bà C, bà T, ông S, ông Đ, ông T1, bà D, bà H1 và bà Đ1, mỗi người phải chịu án phí trên phần giá trị di sản được chia là 13.794.000 đồng, tương đương với số tiền: 13.794.000 đồng x 5% = 689.700 đồng.

- Anh C1 và anh T2 phải chịu chung án phí trên phần giá trị được chia chung là 13.794.000 đồng, tương đương với số tiền: 13.794.000 đồng x 5% = 689.700 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 612, 613, 614, 624, 625, 627, 628, 630, 631, 635, 636, 643, 644, 649, 650, 652, 659, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Dương Thị R đối với bà Ngô Thị Ngọc M về việc tranh chấp về thừa kế tài sản. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Dương Thị R về việc yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Y lập ngày 05/9/2019 vô hiệu.

1.1. Cụ Dương Thị R được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 149, tờ bản đồ số 32, có diện tích đo đạc thực tế là 71,64 m^2, đất toạ lạc tại kp 2, phường LH, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01885 QSDĐ/70/QĐ – CT (HL) do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) cấp cho hộ ông (bà) Dương Thị R ngày 14/02/2003 (đã chỉnh lý người sử dụng thành ông Ngô Văn Y và bà Dương Thị R ngày 28/8/2018), có tứ cận:

- Phía Đông giáp đường TĐT (đường 40m) dài 15,5 m + 5 m;

- Phía Tây giáp thửa 172 dài 20,5 m;

- Phía Nam giáp thửa 173 dài 3,98 m;

- Phía Bắc giáp đường 20 m (đường PĐL) dài 3,98 m.

1.2. Cụ Dương Thị R được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm:

- Căn nhà trên đất: có kết cấu nhà cấp 3, móng bê tông cốt thép, nền gạch men, cửa đi cửa sắt có gắn kiếng, tường xây gạch S "p", cột bê tông xi măng, kèo – đòn tay gỗ xây dựng, trần bê tông xi măng + tole lạnh, diện tích tầng trệt: dài 22,2 m x ngang 4m = 88,8 m^2; diện tích tầng lầu: dài 19,2 m x ngang 4 m = 76,8 m^2, tổng diện tích nhà là 165,6 m^2.

- 01 mái che khung sắt tiền chế, mái tole, nền gạch + bê tông xi măng, diện tích dài 22,2m x ngang 2,4 m = 53,28 m^2.

1.3. Cụ Dương Thị R có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.4. Cụ Dương Thị R có nghĩa vụ:

- Thanh toán cho bà Ngô Thị Ngọc M số tiền 829.388.000 đồng (Tám trăm hai mươi chín triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn đồng).

- Thanh toán cho cháu Ngô Gia H2 (do bà Ngô Thị Ngọc M là người giám hộ) số tiền 829.388.000 đồng (Tám trăm hai mươi chín triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn đồng).

- Thanh toán cho bà Ngô Thị Thu H, bà Ngô Thị Thu C, bà Ngô Thị Thu T, ông Ngô Hoàng S, ông Ngô Hoàng Đ, ông Ngô Văn T1, bà Ngô Thị D, bà Ngô Thị Thu H1 và bà Ngô Thị Đ1, mỗi người số tiền 13.794.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

- Thanh toán cho anh Ngô Văn C1 và anh Ngô Văn T2 số tiền 13.794.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí uỷ thác tư pháp, đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản và trích lục hồ sơ, tổng cộng là 8.100.000 đồng. Cụ R và bà M mỗi người phải chụi ½, do cụ R đã nộp số tiền 8.100.000 đồng nên bà M phải có nghĩa vụ trả lại cho cụ R số tiền 4.050.000 đồng (Bốn triệu, không trăm năm chục ngàn đồng).

3. Về phí thực hiện ủy thác tư pháp: cụ R phải chịu 200.000 phí thực hiện uỷ thác tư pháp. Khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng chi phí thực hiện ủy thác tư pháp đã nộp theo các Biên lai thu số 0030952 ngày 12/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận cụ R đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm.

- Cụ R là người cao tuổi nên được miễn án phí.

- Cháu Gia H2 là trẻ em nên được miễn tiền án phí.

- Bà M phải chịu 36.882.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn đồng).

- Bà H, bà C, bà T, ông S, ông Đ, ông T1, bà D, bà H1 và bà Đ1, mỗi người phải chịu 689.700 đồng (Sáu trăm tám mươi chín ngàn, bảy trăm đồng).

- Anh C1 và anh T2 phải chịu 689.700 đồng (Sáu trăm tám mươi chín ngàn, bảy trăm đồng).

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án Đ1 niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại HCM ;
- VKSNDCC tại HCM;
- VKSND. TTN;
- Cục THADS. TTN;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAT;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSST.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phụng